

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1437 /STP-XDKTVB

Đồng Nai, ngày 02 tháng 11 năm 2015

V/v thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định về chế độ trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai

Sở Tư pháp nhận được văn bản số 3199/LĐTBXH-CC.BTXH ngày 14/10/2015 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định về chế độ trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ dự thảo được cơ quan soạn thảo gửi đến gồm:

- Công văn đề nghị thẩm định.
- Dự thảo Quyết định, Quy định.
- Bản sao văn bản góp ý của các sở ban, ngành và địa phương; bản tổng hợp ý kiến góp ý (323/BC-LĐTBXH ngày 15/10/2015).

II. Đánh giá chung nội dung dự thảo xây dựng

1. Về căn cứ pháp lý làm cơ sở xây dựng: để đảm bảo đầy đủ về cơ sở pháp lý ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các văn bản sau:

- Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010.
- Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009.
- Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội – Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2010 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Về sự cần thiết ban hành: để kịp thời cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho những người thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội trong tình hình biến động về giá cả thị trường, việc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chế độ trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thay thế Quyết định số 59/2010/QĐ-UBND là cần thiết.

III. Thẩm định nội dung dự thảo xây dựng

A. Đối với dự thảo Quyết định

1. Về hình thức và từ ngữ trình bày:

a) Phần căn cứ pháp lý, cụm từ “Xét đề nghị” đề nghị thay thế bằng cụm từ “Theo đề nghị”.

b) Tại Điều 2, đề nghị trình bày như sau:

“**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 59/2010/QĐ-UBND ngày 29/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về chế độ trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”.

2. Phần nơi nhận: đề nghị bổ sung “Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; Cục kiểm tra văn bản QPPPL – Bộ Tư pháp”.

B. Đối với dự thảo Quy định

1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Theo như ý kiến của Sở Tư pháp tại văn bản số 1260/STP-XDKTVB ngày 18/9/2015, đối với nội dung về *hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng, nhà ở xã hội* chưa được cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa. Để đảm bảo tính đầy đủ theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP và để thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 4 (*có đề cập đến mô hình nhà ở xã hội*), nội dung này đề nghị cơ quan soạn thảo nên bổ sung hoặc giải trình rõ tại Tờ trình.

2. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung 01 điều tiếp theo Điều 1 quy định về đối tượng áp dụng: đây là nội dung quy định về các đối tượng có trách nhiệm thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Về mức chuẩn trợ cấp (Điều 2)

Theo văn bản số 4505/STC-TCHCSN ngày 05/10/2015 của Sở Tài chính đề nghị mức chuẩn trợ cấp xã hội là 300.000 đồng (tương đương hệ số 1), trong khi đó dự thảo đề xuất mức 370.000 đồng. Nội dung này, cơ quan soạn thảo nên trao đổi với Sở Tài chính để thống nhất trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, đảm bảo khả năng bố trí kinh phí của địa phương.

4. Về đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (Điều 4)

- Sau khi rà soát nội dung quy định, Sở Tư pháp nhận thấy ngoài đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng tại Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, dự thảo có đề cập thêm đối tượng *có cha và mẹ đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng*, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình thêm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh có cơ sở quyết định.

- Tại điểm b khoản 5, đề nghị bỏ cụm từ “5, Điều 4 của Quy định”, vì thừa.

5. Tại Điều 5

- Đề thuận lợi cho việc theo dõi và hài hòa về từ ngữ trình bày, đề nghị cơ quan soạn thảo tham khảo nội dung góp ý của Sở Tư pháp tại văn bản số 1260/STP-XDKTVB ngày 18/9/2015 để chỉnh sửa cho phù hợp.

- Về đối tượng quy định tại khoản 6: đề thống nhất trong cách tính chế độ thụ hưởng cho các đối tượng, đảm bảo cho công tác quản lý nhà nước, cơ quan soạn thảo nên xác định rõ độ tuổi thụ hưởng đối với người cao tuổi (*người khuyết tật đặc biệt là người cao tuổi*) hay là trẻ em ở độ tuổi bao nhiêu (*người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em*); mức độ đặc biệt nặng xác định ở tỷ lệ bao nhiêu.

6. Tại Điều 7

Đề đảm bảo quyền lợi cho các đối tượng, căn cứ Điều 9 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đối tượng “*Người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác mà chưa được bảo hiểm y tế miễn phí*”.

7. Tại Điều 8

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại mức quy định hỗ trợ chi phí mai táng cho các đối tượng; hơn nữa nếu xét về mức chuẩn trợ cấp tại văn bản số 4505/STC-TCHCSN là 300.000 đồng (tương đương hệ số 01) thì mức hỗ trợ chi phí tại dự thảo vẫn chưa đảm bảo. Mặc dù nội dung này được cơ quan soạn thảo giải trình nguyên nhân do chưa cân đối được kinh phí, đây được xem là lý do tạm thời và có thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Về ngôn ngữ trình bày tại dự thảo chưa đảm bảo tính rõ ràng, vì chỉ có 01 mức hỗ trợ duy nhất, không được xây dựng ở nhiều mức để lựa chọn nên không thể xét ở mức cao nhất.

8. Tại Điều 9

Đề nghị bổ sung cụm từ “khoản 3, 4” trước Điều 11 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

9. Tại Điều 10

- Điểm c khoản 1; đề nghị trình bày đầy đủ cụm từ “Trẻ em khuyết tật”.

- Căn cứ khoản 2 Điều 18 Luật người cao tuổi quy định người cao tuổi thuộc hộ nghèo được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội có xét đến tiêu chí có nguyện vọng vào cơ sở bảo trợ xã hội; đồng thời tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP cũng quy định đối tượng tự nguyện sống tại cơ sở bảo trợ xã hội. Như vậy, tại địa phương thì quy định này có được thực hiện không, cơ quan soạn thảo nên giải trình cụ thể hơn.

10. Đề nghị thống nhất tên gọi là “Cơ sở bảo trợ xã hội” như quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

11. Về phạm vi thực hiện: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại thực tế trên địa bàn tỉnh có tồn tại mô hình nhà xã hội không, nếu có đề nghị bổ sung đầy đủ vào dự thảo để đảm bảo tính thống nhất giữa các nội dung xây dựng tại dự thảo cũng như Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

12. Về chi phí mai táng cho đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại khoản 4 Điều 11: đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại để đảm bảo tính thống nhất cho quá trình áp dụng; sự công bằng giữa các đối tượng, cụ thể chi phí mai táng hỗ trợ tại khoản 2 Điều 8 được quy định là 3.000.000 đồng nhưng khoản 4 Điều 11 lại quy định là được quyết toán các khoản chi phí phù hợp theo quy định hiện hành là như thế nào; trong khi đó quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP xác định hỗ trợ chi phí mai táng khi chết với mức bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội.

13. Tại Điều 14

- Đề nghị thay cụm từ “Điều 14” thành “Điều 13”.

- Về mức hỗ trợ: theo như quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP thì chi phí hỗ trợ được xác định theo số lần mức chuẩn trợ giúp xã hội, trong khi dự thảo đề ra mức tiền cụ thể, như vậy là chưa đảm bảo phù hợp với hướng dẫn tại khoản 4 Điều 10 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa hoặc giải trình để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Về hình thức trình bày: để việc theo dõi được dễ dàng hơn, cơ quan soạn thảo nên trình bày theo hình thức từng nội dung hỗ trợ, ví dụ như: hỗ trợ về lương thực; hỗ trợ người bị thương...

14. Tại Điều 15

Đề nghị xác định rõ điều khoản viện dẫn là khoản 3 Điều 13 hay khoản 3 Điều 14; đồng thời quy định đối tượng được hưởng trợ cấp trong thời gian bao lâu.

15. Tại Điều 16

Điều khoản chuyển tiếp tại khoản 2, theo nhận định của Sở Tư pháp:

- Cơ quan soạn thảo nên xây dựng đầy đủ các nội dung hỗ trợ cũng như các đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ tại dự thảo thống nhất theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, vì khoản 2 và khoản 4 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng mức trợ cấp xã hội, mức trợ cấp nuôi dưỡng, mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng và các mức xã hội khác cao hơn mức tương ứng quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP. Do đó việc giải trình nội dung này tại báo cáo số 323/BC-LĐTBXH là chưa đủ cơ sở.

Và giả sử áp dụng theo điều khoản quy định chuyển tiếp thì các chế độ mà đối tượng được hưởng liệu đảm bảo công bằng không, trong khi dự thảo xây dựng các mức hỗ trợ là chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP; nhưng lại đề xuất các trường hợp chưa được quy định tại dự thảo sẽ được hưởng theo mức và hệ số tương ứng như Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

- Việc xây dựng đầy đủ các nội dung quy định, đảm bảo cho việc triển khai thực hiện tại địa phương được toàn diện, trường hợp khi trung ương có thay đổi về nội dung hướng dẫn, trách nhiệm của cơ quan chuyên môn cần kịp thời tham mưu

Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh; khác với trường hợp trung ương chưa có ban hành hoặc chưa có hướng dẫn cụ thể.

16. Tại chương V

- Đề nghị thay cụm từ “Quyết định” bằng cụm từ “Quy định”.

- Việc quy định thanh tra, kiểm tra khi thực hiện chế độ, chính sách trợ giúp xã hội là cần thiết, tuy nhiên để quy định của địa phương được đầy đủ hơn, cơ quan soạn thảo nên bổ sung trường hợp khi tiến hành việc kiểm tra phát hiện tình trạng Cơ sở bảo trợ xã hội có dấu hiệu vi phạm thì theo thẩm quyền xử lý, hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra nên kết hợp với ngành Y tế để kiểm tra chế độ các suất ăn, tình trạng sức khỏe đảm bảo chế độ dinh dưỡng cho các đối tượng theo quy định, nhằm hạn chế các sai phạm ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

*** Kết luận thẩm định**

Trên cơ sở đánh giá nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy định về chế độ trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo; ngoài các ý kiến về từ ngữ, hình thức trình bày, các ý kiến thẩm định mang tính nhận định, đánh giá đề nghị cơ quan soạn thảo nên nghiên cứu bổ sung hoặc có giải trình cụ thể tại Tờ trình giúp Ủy ban nhân dân có đủ cơ sở pháp lý để xem xét, quyết định.

Trên đây là ý kiến của Sở Tư pháp đối với dự thảo Quyết định ban hành Quy định về chế độ trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, kính gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nghiên cứu, hoàn chỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Văn phòng UBND tỉnh (phối hợp);
 - TTTĐT Sở;
 - Lưu: VT, XDKTVB.
- (AD-thamdinh)

**KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Minh Thiện